

HỌ VÀ TÊN	ĐIỂM	LỜI PHÊ CỦA THẦY CÔ
.....		
LỚP: 8A...		

ĐỀ BÀI**I. TRẮC NGHIỆM: (3đ) Chọn câu trả lời đúng nhất.****Câu 1.** Bộ xương người chia thành

- A. 2 phần chính;      B. 3 phần chính;      C. 4 phần chính;      D. 5 phần chính

**Câu 2.** Xương đầu người có

- A. Xương sọ;      B. xương sườn;      C. xương đòn;      D. xương ức

**Câu 3.** Công thức tính áp suất là

A.  $p = \frac{S}{F}$

B.  $S = pF$

C.  $p = \frac{F}{S}$

D.  $F = \frac{p}{S}$

**Câu 4.** Ampe kế dùng để làm gì?

- A. Đo hiệu điện thế.      B. Đo cường độ dòng điện.  
C. Đo chiều dòng điện.      D. Kiểm tra có điện hay không.

**Câu 5.** Hòa tan đường vào nước là

- A. sự biến đổi hóa học.      B. sự biến đổi vật lí.  
C. phản ứng thu nhiệt.      D. phản ứng tỏa nhiệt.

**Câu 6.** Nồng độ mol của dung dịch cho ta biết

- A. số mol chất tan trong một lít dung dịch.      B. số gam chất tan trong 100 gam dung dịch.  
C. số mol chất tan có trong 100 gam dung dịch.      D. số mol chất tan có trong dung dịch.

**Câu 7.** Cho PTHH:  $4Al + 3O_2 \rightarrow 2Al_2O_3$ 

Tỉ lệ số nguyên tử; phân tử của các chất tham gia và chất tạo thành lần lượt là

- A. 4:2:1      B. 4:1:2      C. 4:2:3      D. 4:3:2

**Câu 8.** Ở đktc ( 25°C, 1 bar), 1 mol khí bất kì chiếm thể tích bao nhiêu lít?

- A. 24,97.      B. 27,94.      C. 24,79.      D. 27,49.

**Câu 9.** Kí hiệu nồng độ mol là

- A. CM.      B. C<sub>M</sub>      C. MC.      D. M<sub>C</sub>

**Câu 10.** Công thức tính nồng độ phần trăm của một dung dịch là

A.  $C\% = \frac{m_{ct}}{m_{dd}} \cdot 100\%$

B.  $C\% = \frac{m_{dd}}{m_{ct}}$

C.  $C\% = \frac{m_{dd}}{m_{ct}} \cdot 100\%$

D.  $C\% = \frac{m_{ct}}{m_{dd}}$

**Câu 11.** Trong các quá trình sau, quá trình nào xảy ra biến đổi hóa học?

A. Muối ăn hòa vào nước thành nước muối. B. Mở lọ nước hoa thấy có mùi thơm.

C. Cồn bay hơi khi mở nắp.

D. Bật bếp ga thấy lửa màu xanh.

**Câu 12.** Trộn 100 ml dung dịch NaOH 1M với 150ml dung dịch NaOH 2M, thu được dung dịch có nồng độ mol là.

A. 3M.

B. 1,6M.

C. 1,5M.

D. 1M

## **B – TỰ LUẬN: 7đ**

**Câu 1.**(2đ) Trình bày hoạt động tiêu hóa ở khoang miệng. Nguyên nhân gây đau răng và biện pháp phòng tránh.

**Câu 2.**(1đ) Định nghĩa khối lượng riêng của một chất. Viết công thức tính khối lượng riêng và nêu rõ các đại lượng có trong công thức.

Nói khối lượng riêng của nhôm là  $2700\text{Kg}/\text{m}^3$  có nghĩa gì?

**Câu 3.** (1đ) Một người có khối lượng 60kg, diện tích một bàn chân khi đứng trên mặt đất là  $250\text{cm}^2$ . Tính áp suất mà người đó tác dụng lên mặt đất trong các trường hợp sau:

a) Khi người đó đứng bằng một chân.

b) Khi người đó đứng bằng hai chân.

**Câu 4.** (2đ) Cho  $\text{Na} = 23$ ;  $\text{O} = 16$ ;  $\text{Cl} = 35,5$

a) Tính số mol Sodium có trong 69 gam Sodium (Na).

b) Tính khối lượng của 0,5 mol khí Oxygen. Cho  $\text{O} = 16$ .

c) Tính thể tích của 0,1 mol khí Carbon dioxide ( $\text{CO}_2$ ) ở đktc.

d) Hòa tan 20gam Sodium chloride vào nước được 200 gam dung dịch Sodium chloride( $\text{NaCl}$ ). Tính nồng độ phần trăm dung dịch thu được.

**Câu 5.** (1đ)

Bạn A tiến hành TN sau: Cho đinh sắt (Fe) tác dụng với dd hydrochloric acid (HCl) trong ống nghiệm; thấy sản phẩm có khí hydrogen ( $\text{H}_2$ ) và muối iron (II) chloride ( $\text{FeCl}_2$ ) .

a) Lập PTHH của phản ứng trong thí nghiệm trên.

b) Sau khi phản ứng kết thúc, bạn A đem cân ống nghiệm chứa đinh sắt và dung dịch thì thấy khối lượng nhỏ hơn tổng khối lượng của đinh sắt và dung dịch trước khi phản ứng. Theo em, điều này có phù hợp với định luật bảo toàn khối lượng hay không. Vì sao?

**HẾT**

# ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

## MÔN: KHTN LỚP 8

### I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
B	A	C	B	B	A	D	C	A	A	D	B

### II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
1	<p>Hoạt động tiêu hóa ở khoang miệng:</p> <p>+ Biến đổi lí học: gồm các hoạt động : cắt, nhai, nghiền, đảo trộn, vo viên làm cho thức ăn nhỏ nhuyễn, mềm, thấm dẫm nước bọt dễ nuốt.</p> <p>+ Biến đổi hóa học: Dưới tác động của enzym Amilaza một phần tinh bột bị biến đổi thành đường Mantozo</p> <p>Nguyên nhân gây đau răng:</p> <p>+ Lóp men rang, ngà rang bị bể do nhai phải vật cứng</p> <p>+ Do thức ăn lên men tạo thành môi trường axit làm hỏng lớp men và ngà rang, vi khuẩn xâm nhập gây viêm tủy rang( đau răng)</p> <p>Biện pháp phòng tránh:</p> <p>+ Không ăn thức ăn quá cứng</p> <p>+ Vệ sinh răng miệng thường xuyên ( 2 lần/ ngày) .....</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0.5đ</p>
2	<p>Khối lượng riêng của một chất được xác định bằng khối lượng của một đơn vị thể tích chất đó.</p> <p>Công thức tính khối lượng riêng là</p> $D = \frac{m}{V}$ <p>Trong đó D là khối lượng riêng ( Kg/m<sup>3</sup>)</p> <p>m là khối lượng (Kg)</p> <p>V là thể tích ( m<sup>3</sup>)</p> <p>Nói khối lượng riêng của nhôm là 2700Kg/ m<sup>3</sup> có nghĩa là</p>	1đ

	Cứ 1 m <sup>3</sup> nhôm nặng 2700Kg	
3	<p>Cho biết</p> <p>m= 60 kg → P= 600 N</p> <p><u>S= 250 cm<sup>2</sup> = 0,025m<sup>2</sup></u></p> <p>P<sub>1</sub> =?</p> <p>P<sub>2</sub> =?</p> <p>Áp suất của người tác dụng lên mặt đất khi đứng một chân</p> $p = \frac{F}{S}$ $= \frac{600}{0,025} = 24000\text{N/m}^2$ <p>Áp suất của người tác dụng lên mặt đất khi đứng hai chân</p> $p = \frac{F}{S \cdot 2}$ $= \frac{600}{0,025 \cdot 2} = 12000\text{N/m}^2$	
4	<p>Cho Na = 23; O = 16; Cl = 35,5</p> <p>a)</p> $n_{Na} = \frac{69}{23} = 3\text{mol}$ <p>b)</p> $m_{O_2} = 0,5 \cdot 32 = 16\text{g}$ <p>c) <math>V_{CO_2} = 0,1 \cdot 24,79 = 2,479\text{lít}</math></p> <p>d) <math>C\%_{ddNaCl} = \frac{20}{200} \cdot 100 = 10\%</math></p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
5	<p>a) <math>\text{Fe} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2</math></p> <p>b) Theo em điều này có phù hợp với định luật bảo toàn khối lượng.</p> <p>Theo định luật bảo toàn khối lượng: khối lượng các chất sản phẩm bằng khối lượng các chất tham gia phản ứng</p> <p>Hay m<sub>đinh sắt</sub> + m<sub>dd trước</sub> = m<sub>đinh sắt</sub> + m<sub>dd sau</sub> + m<sub>khí hydrogen</sub></p> <p>Do khí hydrogen tạo thành thoát ra khỏi dung dịch, khiến cho khối lượng của ống nghiệm lúc sau nhỏ hơn khối lượng ban đầu.</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

1. Ma trận.

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì I - Thời gian làm bài: 90 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận).
- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1. Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm		1							0,25
2. Phản ứng hóa học Mol và tỉ khối chất khí.		1		1	3			1	1,5
3. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học. Dung dịch và nồng độ.		4		1	2		1		3,5
4. Khối lượng riêng	1	1							1,25
5. Áp suất trên một bề mặt					1				1
6. Hệ vận động ở người		2							0,5
7. Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người	1		1						2
Tổng số điểm	4điểm		3điểm		2 điểm		1điểm		10đ

 **F SCHOOL**